

Số: /GPMT-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 158/TTYT-TCHC ngày 27/6/2025 của Trung tâm Y tế huyện Cư Kuin về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Trung tâm Y tế huyện Cư Kuin” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 251/TTr-SNNMT ngày 30/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Trung tâm Y tế huyện Cư Kuin (nay là Trung tâm Y tế Cư Kuin), địa chỉ tại Km 13, Quốc lộ 27, xã Ea Ktur, tỉnh Đắk Lắk được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của “Trung tâm Y tế Cư Kuin” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Trung tâm Y tế Cư Kuin.

1.2. Địa điểm hoạt động: Km 13, Quốc lộ 27, xã Ea Ktur, tỉnh Đắk Lắk.

1.3. Quyết định thành lập số: Quyết định số 0132/QĐ-UBND ngày 02/07/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc quy định cơ cấu tổ chức của Sở Y

tế tỉnh Đắk Lắk.

1.4. Mã số thuế: 6000612035.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám bệnh, chữa bệnh.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Tổng diện tích: 22.275 m².

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ.

- Công suất: 190 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Trung tâm Y tế Cư Kuin:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Trung tâm Y tế Cư Kuin có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày cấp Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Trung tâm Y tế Cư Kuin theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- TTCN và Cổng TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- Trung tâm Y tế Cư Kuin;
- Lưu: VT, NNMT (Trung 08b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thiên Văn

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải y tế bao gồm nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh nội – ngoại trú.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ các khu nhà vệ sinh.

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ căn tin.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thoát nước mưa trên trục đường Quốc lộ 27.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí đầu nối: mương thoát nước của hệ thống thoát nước mưa trên trục đường Quốc lộ 27.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108°30', múi chiếu 3'): X = 459203; Y = 1396401.

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 46,7 m³/ngày đêm, tương đương 1,95 m³/giờ.

2.4. Phương thức xả nước thải: Bơm, Tự chảy.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày đêm.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận được xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, cột A, K = 1,2, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5 - 8,5	06	Không

2	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60	tháng/lần	thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
3	COD	mg/l	60		
4	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	36		
5	Sunfua (H ₂ S)	mg/l	1,2		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	36		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	7,2		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	12		
10	Tổng coliforms	MPN/100ml	3.000		
11	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
12	Shigelle	Vi khuẩn/100ml	KPH		
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

+ Nước thải sinh hoạt từ các bồn cầu được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ → Hồ ga nước thải → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Nước thải sinh hoạt từ sàn, lavabo khu nhà vệ sinh được thu gom về hồ ga nước thải → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải y tế từ các khu chức năng được thu gom về hồ ga nước thải → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải của lò đốt chất thải y tế → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải phát sinh từ hoạt động của trung tâm → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể Arotank 1 → Bể Arotank 2 → Bể lắng → Bể khử trùng → Bồn lọc áp lực → nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột A) → thải ra hệ thống thoát nước mưa trên trục đường Quốc lộ 27.

- Công suất thiết kế: 100 m³/ngày đêm.
- Hóa chất sử dụng: NaOH 98%, Chlorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật đã được hướng dẫn.
- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc trong hệ thống xử lý nước thải.
- Phân công nhân viên có chuyên môn vận hành, kiểm tra, giám sát hệ thống xử lý nước thải của bệnh viện;
- Lập Sổ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải để theo dõi, cập nhật đầy đủ thông tin trong quá trình vận hành, các vấn đề sự cố phát sinh trong quá trình vận hành để ứng phó kịp thời với các sự cố có thể phát sinh.
- Xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường tại cơ sở theo quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ (Trung tâm Y tế Cư Kuin đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận số 2817/STNMT-BVMT ngày 30/11/2018, cơ sở không có bổ sung, nâng công suất công trình xử lý chất thải, thay đổi công nghệ xử lý chất thải).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải vào hệ thống thoát nước mưa trên trục đường Quốc lộ 27.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.3. Có Sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra nguồn tiếp nhận.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải

01 nguồn khí thải: khí thải phát sinh từ lò đốt rác thải y tế.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108°30', múi chiều 3'): X= 459372; Y= 1396451.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 1.730 Nm³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả gián đoạn.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 02:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn y tế (Cột B), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	115	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
2	Axit Clohydric (HCl)	mg/Nm ³	50		
3	Cacbon monoxit (CO)	mg/Nm ³	200		
4	Lưu huỳnh dioxit (SO ₂)	mg/Nm ³	300		
5	Nitơ oxit (NO _x , tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	300		
6	Thủy ngân và hợp chất tính theo thủy ngân, Hg	mg/Nm ³	0,5		
7	Chì và hợp chất tính theo chì, Pb	mg/Nm ³	1,2		
8	Cadmi và hợp chất tính theo Cadimi, Cd	mg/Nm ³	0,16		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải; công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Hệ thống xử lý khí thải là thiết bị đồng bộ kèm theo lò đốt rác thải y tế hiệu CP15, công suất 20kg/giờ.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Chất thải y tế lây nhiễm → Buồng đốt sơ cấp (800 - 900⁰C) → Buồng đốt thứ cấp (1.000 - 1.100⁰C) → Thiết bị xử lý khí thải → Ống khói.

1.2. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động, liên tục.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành theo đúng quy trình hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Thường xuyên kiểm tra, định kỳ thay thế thiết bị để đảm bảo hệ thống xử lý khí thải vận hành hiệu quả.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ (Trung tâm Y tế Cư Kuin đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận số 2817/STNMT-BVMT ngày 30/11/2018, cơ sở không có bổ sung, nâng công suất công trình xử lý chất thải, thay đổi công nghệ xử lý chất thải).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống lò đốt rác thải y tế của cơ sở.

3.3. Có Sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành lò đốt rác thải y tế.

3.4. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Loại chất thải phát sinh	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải có chứa tác nhân lây nhiễm		13 01 01	4.320
1.1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	Rắn	13 01 01	720
1.2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn	Rắn		2.100
1.3	Bệnh phẩm và dụng cụ đựng bệnh phẩm	Rắn		60
1.4	Chất thải giải phẫu	Rắn		1.440
2	Hóa chất thải bỏ bao gồm hoặc có thành phần nguy hại	Rắn/Lỏng	13 01 02	0,1
3	Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất	Rắn	13 01 03	0,1
4	Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có thành phần thủy ngân	Rắn	13 03 02	0,05
5	Pin thải, ắc quy thải	Rắn	19 06 05	0,5
6	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	5
7	Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hoá chất, các dụng cụ dính thuốc hoặc hoá chất thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại	Rắn	18 01 04	1,5

	trên bao bì từ nhà sản xuất			
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	0,5
9	Xi và tro đáy có các thành phần nguy hại	Rắn	12 01 05	667
Tổng cộng:				4.994,75

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Chất thải rắn không có khả năng tái chế	150
2	Chất thải rắn có khả năng tái chế	41,5

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Tại các khoa, phòng: Bố trí các thùng nhựa màu vàng và màu đen dung tích 15 lít và 20 lít có nắp đậy, có dán nhãn và dấu hiệu cảnh báo; chất thải lây nhiễm sắc nhọn được chứa trong hộp giấy kháng khuẩn màu vàng loại 5 lít.

- Tại khu lưu chứa: Bố trí các thùng nhựa dung tích 20 lít và 240 lít có nắp đậy, có dán nhãn và dấu hiệu cảnh báo.

2.1.2. Nhà lưu chứa: Diện tích 85 m², tường gạch bao quanh, mái lợp tôn, nền lát gạch.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Tại các khoa, phòng: Bố trí các thùng nhựa màu xanh và màu trắng dung tích 25 lít có nắp đậy.

- Dọc các tuyến đường nội bộ trong khuôn viên cơ sở: Bố trí các thùng nhựa dung tích 120 lít có nắp đậy.

- Tại điểm tập kết rác thải tạm thời, chất thải có khả năng tái chế: Bố trí thùng nhựa dung tích 120 lít, có nắp đậy kín và bánh xe di chuyển.

- Tại điểm tập kết rác thải tạm thời, chất thải rắn không có khả năng tái chế: Bố trí thùng nhựa dung tích 120 lít, có nắp đậy kín và bánh xe di chuyển.

2.2.2. Kho lưu chứa: diện tích 30 m², tường gạch bao quanh, mái lợp tôn, nền lát gạch.

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt thực hiện phân định, phân loại đảm bảo đáp ứng theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại không tự xử lý tại cơ sở cho đơn vị có chức năng theo quy định.
2. Thực hiện đầy đủ các nội dung đã cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính xác thực của thông tin, số liệu nêu tại báo cáo đề xuất cấp phép.
3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm, đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
4. Trong quá trình thực hiện nếu cơ sở có những thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, Chủ cơ sở phải có văn bản báo cáo cơ quan cấp phép để được kiểm tra và hướng dẫn.
5. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.